

UBND HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG THCS LƯƠNG KHÁNH THIỆN

DANH SÁCH HỌC SINH

**Đề nghị hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019
của Hội đồng nhân dân thành phố - Học kỳ 2 năm học 2023-2024**

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2023 - 2024 (từ tháng 1 đến T5/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ II năm 2023 - 2024
1	Đặng Thùy An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
2	Nguyễn Quốc An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
3	Hoàng Hà Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
4	Nguyễn Hải Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
5	Nguyễn Ngọc Diệu Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
6	Nguyễn Quốc Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
7	Nguyễn Thị Hải Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
8	Tạ Thị Phương Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000	155,000	155,000
9	Bùi Nguyễn Ngọc Ánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
10	Nguyễn Bảo Châu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
11	Nguyễn Hải Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
12	Bùi Trịnh Minh Doanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
13	Nguyễn Anh Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
14	Nguyễn Thùy Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
15	Phạm Quốc Đại	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
16	Bùi Đình Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
17	Nguyễn Trung Điền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
18	Nguyễn Minh Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
19	Nguyễn Thanh Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
20	Trần Minh Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
21	Nguyễn Minh Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
22	Bùi Gia Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
23	Trần Quang Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
24	Đỗ Huy Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
25	Nguyễn Phương Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
26	Vũ Bảo Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
27	Phùng Kim Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
28	Trần Ngọc Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
29	Đoàn Bảo Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
30	Nguyễn Hải Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
31	Nguyễn Thế Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
32	Đỗ Yến Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2023 - 2024 (từ tháng 1 đến T5/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ II năm 2023 - 2024
33	Nguyễn Lâm Phi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
34	Bùi Nam Phong	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
35	Bùi Hoàng Phúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
36	Ninh Thị Mai Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
37	Đào Vũ Bảo Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
38	Phạm Hoàng Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
39	Phạm Minh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
40	Cao Phương Thanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
41	Trịnh Công Thành	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
42	Nguyễn Thu Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
43	Hà Minh Tiến	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
44	Đặng Huyền Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
45	Vũ Thị Minh Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
46	Lê Đức Bằng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
47	Phạm Trung An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
48	Bùi Đình Đức Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
49	Bùi Lê Nguyên Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
50	Nguyễn Hoàng Hà Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
51	Phạm Hoàng Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
52	Tạ Mai Phương Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
53	Võ Ngọc Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
54	Phan Đình Long Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
55	Bùi Hoàng Khánh Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
56	Nguyễn Thùy Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
57	Nguyễn Duy Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
58	Đỗ Trường Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
59	Nguyễn Ngọc Hà	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
60	Bùi Quang Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
61	Hà Thị Minh Hằng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
62	Đào Xuân Hiền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
63	Phạm Trung Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
64	Bùi Quốc Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
65	Hoàng Minh Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
66	Vũ Đức Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
67	Lê Minh Khang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
68	Đào Hoàng Lan	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
69	Nguyễn Phương Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
70	Nguyễn Phương Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000



TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2023 - 2024 (từ tháng 1 đến T5/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ II năm 2023 - 2024
71	Nguyễn Đức Cao Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
72	Trần Lê Hải Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
73	Lê Hải Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
74	Đình Vũ Bảo Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
75	Nguyễn Linh Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
76	Đoàn Thị Tuyết Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
77	Vũ Lâm Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
78	Mai Thanh Phong	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
79	Trần Phạm Hùng Phong	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
80	Vũ Khánh Quỳnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
81	Trần Thanh Sơn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
82	Đỗ Phương Tâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
83	Vũ Hoàng Thanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
84	Bùi Chí Thành	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
85	Vũ Thanh Thủy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
86	Nguyễn Vũ Bảo Thy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
87	Phạm Bảo Trâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
88	Nguyễn Vũ Thanh Trúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
89	Bùi Mạnh Tuấn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
90	Nguyễn Phương Uyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
91	Vũ Thanh Vân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
92	Nguyễn Anh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
93	Nguyễn Ngọc Lan Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
94	Đỗ Ngọc Ánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
95	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
96	Nguyễn Minh Châu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
97	Hồ Phúc Diên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
98	Đỗ Tiến Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
99	Nguyễn Tiến Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
100	Nguyễn Hương Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
101	Vũ Trường Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
102	Nguyễn Hoàng Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
103	Nguyễn Trần Thu Hằng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
104	Nguyễn Minh Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
105	Dương Thị Khánh Huyền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
106	Nguyễn Duy Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
107	Nguyễn Nam Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
108	Dương Trung Kiên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000

1. AN
RUC
NG H
ONG M
17

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2023 - 2024 (từ tháng 1 đến T5/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ II năm 2023 - 2024
109	Nguyễn Hoàng Lâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
110	Nguyễn Diệu Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
111	Nguyễn Khánh Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
112	Nguyễn Thị Khánh Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
113	Ngô Đào Bảo Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
114	Nguyễn Thiên Kim Hoàng Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
115	Vũ Hoàng Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
116	Nguyễn Trúc Ly	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
117	Nguyễn Thanh Mai	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
118	Dương Đức Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
119	Phạm Thu Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
120	Nguyễn Hải Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
121	Bùi Gia Ngân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
122	Nguyễn Thanh Nhân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
123	Nguyễn Khánh Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
124	Phạm Tuyết Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
125	Hoàng Thị Minh Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
126	Bùi Minh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
127	Nguyễn Minh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
128	Lại Thị Minh Thư	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
129	Phạm Thanh Trúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
130	Lê Thái Tuấn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
131	Nguyễn Minh Tuấn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
132	Nguyễn Phương Vi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
133	Lê Huy Vũ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
134	Nguyễn Minh Vũ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
135	Hà Vũ Phương Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
136	Lưu Hải Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
137	Nguyễn Đức Phú	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
138	Nguyễn Đức Tùng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
139	Tăng Bảo An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
140	Tăng Nguyễn Bình An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
141	Đỗ Việt Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
142	Nguyễn Quang Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
143	Nguyễn Việt Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
144	Trần Châu Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
145	Lê Gia Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000

LÀC
NG
C C C
ANH TH

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2023 - 2024 (từ tháng 1 đến T5/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ II năm 2023 - 2024
146	Nguyễn Gia Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
147	Nguyễn Ngọc Bích	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
148	Nguyễn Quốc Chí	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
149	Nguyễn Minh Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
150	Vũ Long Hưng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
151	Trịnh Gia Bảo Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
152	Trịnh Gia Bảo Ly	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
153	Nguyễn Thanh Mai	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
154	Lê Thị Trà My	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
155	Nguyễn Hà My	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
156	Nguyễn Hải Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
157	Nguyễn Thị Hằng Nga	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
158	Dương Chí Nghĩa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
159	Vũ Thị Huyền Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
160	Vũ Yến Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
161	Phạm Trường Phong	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
162	Bùi Minh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
163	Nguyễn Như Quỳnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
164	Trịnh Đặng Diễm Quỳnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
165	Nguyễn Phương Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
166	Trần Xuân Thịnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
167	Nguyễn Kim Thoa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
168	Đào Thu Thủy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
169	Nguyễn Thu Thủy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
170	Đỗ Nguyễn Thủy Tiên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
171	Thân Quỳnh Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
172	Nguyễn Thủy Triều	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
173	Trần Lương Bảo Triều	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
174	Nguyễn Phú Trọng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
175	Lý Ngọc Trường	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
176	Văn Đức Minh Tú	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
177	Trần Hà Vân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
178	Trịnh Long Vũ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
179	Dương Hà Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
180	Đỗ Thị Ngọc Hà	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	3	186,000		186,000
181	Ninh Thị Ánh Tuyết	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
182	Nguyễn Hoàng Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
183	Nguyễn Minh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000



TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2023 - 2024 (từ tháng 1 đến T5/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ II năm 2023 - 2024
184	Nguyễn Tuấn Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
185	Phạm Minh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
186	Phạm Minh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
187	Quách Đỗ Đức Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
188	Trần Việt Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
189	Trần Nguyễn Quỳnh Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
190	Trần Ngọc Diễm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
191	Phan Bảo Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
192	Nguyễn Nam Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
193	Đào Nguyễn Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
194	Nguyễn Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
195	Nguyễn Trường Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
196	Phạm Thị Ngân Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
197	Nguyễn Thu Hà	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
198	Nguyễn Vũ Phương Hà	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
199	Đỗ Mạnh Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
200	Lương Mạnh Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
201	Đỗ Minh Hằng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
202	Lê Nguyễn Thanh Hằng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
203	Trịnh Thanh Hoa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
204	Trần Tiến Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
205	Lê Hoàng Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
206	Nguyễn Mai Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
207	Nguyễn Thị Thùy Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
208	Nguyễn Sỹ Hưng Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
209	Nguyễn Sỹ Minh Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
210	Lương Thị Hà My	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
211	Nguyễn Hà My	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
212	Đào Hải Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
213	Nguyễn Kim Ngân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
214	Vũ Thị Kim Ngân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
215	Phạm Bảo Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
216	Nguyễn Hải Phong	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
217	Nguyễn Hà Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
218	Nguyễn Hoàng Minh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
219	Lương Ngọc Quý	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
220	Nguyễn Thành Tài	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
221	Phạm Tuấn Tài	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000	310,000	0

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2023 - 2024 (từ tháng 1 đến T5/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ II năm 2023 - 2024
222	Nguyễn Huyền Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
223	Lê Thanh Tú	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
224	Cao Việt Tùng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
225	Nguyễn Phương Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
226	Trần Quân Tuyền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
227	Bùi Việt Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
228	Nguyễn Trần Thành Công	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000	310,000	0
229	Phạm Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
230	Hoàng Khánh Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
231	Vũ Khánh Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
232	Nguyễn Thủy Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
233	Nguyễn Tuấn Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
234	Bùi Thành Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
235	Nguyễn Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
236	Bùi Hoàng Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
237	Bùi Quang Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
238	Dương Mộc Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
239	Hà Minh Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
240	Phạm Quang Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
241	Trịnh Gia Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
242	Nguyễn Văn Hưng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
243	Đỗ Trung Kiên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
244	Nguyễn Ngọc Thiên Kim	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
245	Phạm Minh Tùng Lâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
246	Vũ Duy Lâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
247	Nguyễn Hoàng Hải Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
248	Trần Gia Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000	310,000	0
249	Trịnh Khánh Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
250	Hoàng Văn Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
251	Vũ Phạm Đức Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
252	Dương Vũ Bình Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
253	Hà Tuấn Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
254	La Lương Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
255	Phạm Bình Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
256	Nguyễn Thị Thanh Nhân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
257	Nguyễn Ngọc Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
258	Phạm Thị Kim Oanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
259	Nguyễn Khánh Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000



TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2023 - 2024 (từ tháng 1 đến T5/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ II năm 2023 - 2024
260	Tăng Hà Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
261	Nguyễn Đức Minh Sơn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
262	Trần Yên Thanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
263	Nguyễn Hữu Thắng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
264	Vũ Ngọc Thu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
265	Phạm Thị Thanh Trúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
266	Nguyễn Hoàng Anh Vũ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
267	Lê Phương Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
268	Hoàng Mai Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
269	Nguyễn Phương Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
270	Phạm Thị Lan Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
271	Nguyễn Ngọc Ánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
272	Nguyễn Tôn Cường	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
273	Phan Thị Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
274	Vũ Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
275	Vũ Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
276	Tạ Tuấn Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
277	Vũ Đức Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
278	Trần Thùy Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
279	Nguyễn Hương Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
280	Đặng An Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
281	Vũ Trọng Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
282	Nguyễn Việt Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
283	Ngô Doãn Tùng Lâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
284	Lê Lê	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
285	Hoàng Phương Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
286	Nguyễn Hà Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
287	Bùi Phương Mai	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
288	Ngô Hiền Mai	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
289	Nguyễn Tiến Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
290	Nguyễn Hoàng Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
291	Lâm Thu Nga	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
292	Đoàn Minh Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
293	Bùi Quang Phúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
294	Đỗ Hà Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
295	Trịnh Minh Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
296	Tăng Văn Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
297	Nguyễn Tuấn Sang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000

1. AN
 2. UC
 3. IG HC
 4. JG KH
 5. (n)

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2023 - 2024 (từ tháng 1 đến T5/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ II năm 2023 - 2024
298	Nguyễn Việt Thái	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
299	Nguyễn Phương Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
300	Phạm Phương Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
301	Vũ Trần Phương Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
302	Lê Đức Thắng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
303	Văn Đức Thắng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
304	Nguyễn Hoàng Gia Thiên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
305	Nguyễn Thị Anh Thơ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
306	Trần Quỳnh Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
307	Văn Đức Trọng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
308	Nguyễn Quang Vinh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
309	Nguyễn Quang Vinh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
310	Nguyễn Thế Vinh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
311	Nguyễn Gia Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
312	Dương Minh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
313	Lê Đức Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
314	Lê Hoàng Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
315	Lê Phương Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
316	Nguyễn Đức Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
317	Nguyễn Quỳnh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
318	Phạm Quỳnh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
319	Nguyễn Thị Hồng Ánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
320	Nguyễn Đăng Bách	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
321	Nguyễn Hoàng Kim Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
322	Nguyễn Linh Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
323	Phạm Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
324	Phạm Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
325	Vũ Khánh Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
326	Nguyễn Thành Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
327	Lương Trung Đức	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
328	Lê Huy Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
329	Lê Minh Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
330	Phạm Lê Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
331	Vũ Nam Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
332	Nguyễn Tuấn Hưng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
333	Nguyễn Đắc Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
334	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
335	Bùi Trung Kiên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2023 - 2024 (từ tháng 1 đến T5/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ II năm 2023 - 2024
336	Dương Bảo Lâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
337	Lại Thùy Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
338	Lê Nhật Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
339	Phạm Nguyệt Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
340	Vũ Tiến Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
341	Đỗ Như Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
342	Phạm Bảo Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
343	Quách Tuấn Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
344	Vũ Trung Nguyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
345	Nguyễn Thiện Nhân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
346	Đặng Nhật Thái Sơn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
347	Bùi Sỹ Thái	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
348	Dương Nguyệt Thanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
349	Nguyễn Thị Minh Thư	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
350	Bùi Thu Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
351	Nguyễn Hà Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
352	Vũ Thanh Tùng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
353	Nguyễn Hải Tuyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
354	Bùi Diệu Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000	310,000	0
355	Dương Tuệ Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
356	Đỗ Hoàng Bảo Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
357	Đoàn Thái Thiên An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
358	Nguyễn Thái An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
359	Đỗ Quang Thiện Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
360	Nguyễn Ngọc Trang Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
361	Nguyễn Ngọc Ánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000	310,000	0
362	Dương Bảo Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
363	Dương Gia Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
364	Nguyễn Trần Minh Châu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
365	Bùi Đặng Hà Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
366	Ngô Khánh Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
367	Vũ Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
368	Phạm Quốc Doanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
369	Ngô Trí Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
370	Cao Quý Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
371	Đào Ánh Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
372	Đặng Khánh Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
373	Đỗ Tất Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000



TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2023 - 2024 (từ tháng 1 đến T5/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ II năm 2023 - 2024
374	Lương Thị Bảo Hân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
375	Nguyễn Bách Khoa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
376	Lê Nguyễn Thành Lâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
377	Nguyễn Thị Khánh Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
378	Hoàng Bảo Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
379	Lương Tuấn Nghĩa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
380	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
381	Lương Chấn Nguyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
382	Nguyễn Khôi Nguyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
383	Lê Hồng Nhung	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
384	Nguyễn Nam Phong	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
385	Nguyễn Nam Phong	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
386	Nguyễn Diệp Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
387	Phạm Thị Như Quỳnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
388	Phạm Danh Thái	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
389	Nguyễn Minh Thành	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
390	Lương Bích Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
391	Nguyễn Phương Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
392	Nguyễn Đức Thắng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
393	Nguyễn Đức Thịnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
394	Nguyễn Trọng Tín	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	1	62,000		62,000
395	Bùi Thu Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000	155,000	155,000
396	Bùi Minh Trí	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
397	Nguyễn Quang Trường	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
398	Nguyễn Thanh Tùng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
399	Ngô Trọng Công Vinh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
400	Đỗ Thị Ngọc Mai	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	3	186,000		186,000
401	Dương Hà Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
402	Ngô Tú Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
403	Nguyễn Ngọc Hà Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
404	Nguyễn Phương Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
405	Phùng Gia Bảo Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
406	Phạm Thiện Căn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
407	Lương Thanh Chúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
408	Phạm Mạnh Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
409	Phan Tuấn Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
410	Nguyễn Thùy Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
411	Đỗ Thành Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000



TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2023 - 2024 (từ tháng 1 đến T5/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ II năm 2023 - 2024
412	Đỗ Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
413	Lương Ngọc Anh Đức	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
414	Nguyễn Anh Đức	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
415	Hoàng Thị Thu Hằng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
416	Dương Văn Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
417	Đỗ Minh Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
418	Trần Văn Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
419	Nguyễn Minh Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
420	Tăng Minh Hương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
421	Vũ Thu Hương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
422	Vũ Thế Khang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
423	Đỗ Gia Lâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
424	Lê Đức Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
425	Ngô Đức Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
426	Đồng Xuân Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
427	Nguyễn Anh Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
428	Nguyễn Hà Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
429	Nguyễn Thu Ngân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
430	Phan Khánh Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
431	Nhân Thị Thanh Nhân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
432	Nguyễn Thị Lan Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
433	Nguyễn Tiến Phát	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
434	Phạm Minh Phúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
435	Trần Vũ Gia Phúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
436	Lê Minh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
437	Phạm Minh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
438	Phan Huyền Thanh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
439	Trần Lê Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000	310,000	0
440	Trịnh Phương Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
441	Nguyễn Xuân Thắng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
442	Đỗ Anh Thư	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
443	Trịnh Xuân Trường	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
444	Nguyễn Tú Uyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
445	Nguyễn Khánh Vân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
446	Lê Hoàng Vũ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000	310,000	0
447	Lại Thị Hải Yến	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
448	Vũ Hoàng Thùy Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	3	186,000		186,000
449	Ngô Thị Ngọc Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000

H. A.
TRU
RUNG
LƯU

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2023 - 2024 (từ tháng 1 đến T5/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ II năm 2023 - 2024
450	Phạm Quỳnh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
451	Phạm Thị Minh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
452	Trịnh Huy Gia Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
453	Nguyễn Hữu Bình	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
454	Phạm Tiến Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
455	Hà Mạnh Huy Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
456	Nguyễn Duy Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
457	Vũ Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
458	Nguyễn Thùy Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
459	Phạm An Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
460	Nguyễn Hoàng Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
461	Nguyễn Lê Trung Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
462	Vũ Huyền Hương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
463	Nguyễn Thúy Hường	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
464	Nguyễn Duy Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
465	Ninh Quốc Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
466	Đỗ Đăng Khoa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
467	Phùng Lê Lâm	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
468	Lương Thị Mai Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
469	Trịnh Khánh Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
470	Nguyễn Hải Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
471	Nguyễn Hoàng Long	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
472	Phạm Hoàng Lộc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
473	Nguyễn Đức Mạnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
474	Trịnh Họa Mí	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
475	Đình Quang Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
476	Nguyễn Tiến Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
477	Phạm Như Bảo Ngân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
478	Đình Thị Hồng Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
479	Nguyễn Minh Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
480	Nguyễn Thảo Nguyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
481	Phạm Lưu Bảo Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
482	Đình Thị Phương Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
483	Nguyễn Thị Anh Thơ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
484	Lương Thanh Thủy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
485	Lê Minh Thư	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
486	Lâm Thủy Tiên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
487	Nguyễn Tuấn Tú	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000

1 L
ÔNG
HOC
G. KHÁNH

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2023 - 2024 (từ tháng 1 đến T5/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ II năm 2023 - 2024
488	Phạm Mạnh Tùng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
489	Phùng Đỗ Cát Tường	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
490	Nguyễn Ngọc Tường Vi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
491	Nguyễn Tuấn Vũ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
492	Ngô Phương Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
493	Lê Thị Hải An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
494	Nguyễn Vũ Khánh An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
495	Lại Minh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
496	Lê Tùng Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
497	Nguyễn Mai Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
498	Nguyễn Mai Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
499	Nguyễn Minh Ánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
500	Đào Vũ Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
501	Phạm Đức Minh Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
502	Phan Hải Duy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
503	Nguyễn Hoàng Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
504	Phan Đăng Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
505	Nguyễn Hương Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
506	Nguyễn Thu Hà	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
507	Tăng Tân Hà	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
508	Phạm Huy Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
509	Nguyễn Bích Huyền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
510	Trịnh Thu Huyền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
511	Đỗ Xuân Khang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
512	Nguyễn Đăng Khoa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
513	Bùi Trọng Lân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
514	Nguyễn Hoàng Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
515	Phạm Phương Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
516	Vũ Ngọc Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
517	Vũ Phương Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
518	Hoàng Ngọc Luân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
519	Nguyễn Hiền Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
520	Nguyễn Tuấn Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
521	Trần Bình Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
522	Nguyễn Trà My	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
523	Phùng Hải Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
524	Đỗ Long Nhật	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
525	Nguyễn Thanh Phúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000

ĐỒ SƠ
THÊM

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2023 - 2024 (từ tháng 1 đến T5/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ II năm 2023 - 2024
526	Trần Gia Phúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
527	Hoàng Minh Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
528	Nguyễn Thị Mai Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
529	Phạm Văn Quyền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
530	Vũ Tấn Sang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
531	Đào Xuân Sơn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
532	Hoàng Hải Sơn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
533	Nguyễn Trường Thịnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
534	Bùi Anh Thư	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
535	Nguyễn Anh Thư	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
536	Nguyễn Hà Thư	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
537	Phan Thanh Trúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
538	Nguyễn Thế Tuấn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
539	Phạm Hoàng Vũ	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
540	Vũ Đức Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
541	Cao Bình An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
542	Đỗ Hải An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
543	Đào Quỳnh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
544	Đỗ Thị Ngọc Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
545	Lê Ngọc Phương Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
546	Mai Nguyễn Hà Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
547	Phùng Thị Phương Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
548	Phạm Lê Tùng Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
549	Nguyễn Đăng Chương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
550	Hoàng Văn Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
551	Trần Tuấn Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
552	Nguyễn Hồng Minh Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
553	Dương Tiến Định	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
554	Lê Xuân Đoàn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
555	Đỗ Hương Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
556	Phạm Hương Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
557	Trịnh Văn Hai	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
558	Ngô Sơn Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
559	Nguyễn Gia Hân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
560	Nguyễn Trung Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
561	Phạm Lê Minh Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
562	Phạm Huy Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
563	Trần Khánh Huyền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000

HẢI PHỒN

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2023 - 2024 (từ tháng 1 đến T5/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ II năm 2023 - 2024
564	Tăng Trung Kiên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
565	Đỗ Hương Lam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
566	Nguyễn Ngọc Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
567	Nguyễn Đức Mạnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
568	Lưu Đức Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
569	Nguyễn Ngọc Quý Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
570	Nguyễn Tuấn Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
571	Lê Vũ Hải Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
572	Nguyễn Hải Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
573	Lê Kim Ngân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
574	Lê Phạm Thảo Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
575	Đoàn Thị Tuyết Nhung	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
576	Trịnh Minh Quang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
577	Đoàn Minh Quân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
578	Phạm Minh Quý	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
579	Trần Thị Mai Quỳnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
580	Nguyễn Ngọc Minh Sơn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
581	Nguyễn Mai Phương Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
582	Nguyễn Anh Thu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
583	Trần Thu Thủy Tiên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
584	Đỗ Gia Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
585	Bùi Trịnh Minh Triết	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
586	Đỗ Cẩm Tú	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
587	Phạm Xuân Tùng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
588	Nguyễn Vũ Thảo Uyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
589	Đỗ Hải An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
590	Nguyễn Phương Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
591	Nguyễn Thế Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
592	Nguyễn Thị Hoài Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
593	Ninh Việt Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
594	Vũ Hoàng Minh Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
595	Ngô Lê Gia Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
596	Nguyễn Thế Cường	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
597	Đỗ Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
598	Nguyễn Trung Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
599	Nguyễn Việt Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
600	Phạm Vũ Việt Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
601	Lê Thủy Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000



TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2023 - 2024 (từ tháng 1 đến T5/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ II năm 2023 - 2024
602	Lưu Nhật Đan	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
603	Ninh Vũ Trường Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
604	Nguyễn Phú Hải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
605	Nguyễn Minh Hiền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
606	Đặng Thị Minh Hòa	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
607	Lê Tuấn Hùng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
608	Vũ Nguyễn Gia Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
609	Nguyễn Khánh Huyền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
610	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
611	Nguyễn Thị Mai Hương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
612	Phạm Thị Khuyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
613	Phạm Trung Kiên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
614	Phạm Trung Kiên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
615	Phạm Thùy Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
616	Tăng Văn Luân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
617	Đặng Thanh Mai	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
618	Đỗ Ngọc Mai	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
619	Đào Việt Hoàng Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
620	Nguyễn Bình Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
621	Nguyễn Nhật Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
622	Phạm Đỗ Nhật Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
623	Nguyễn Tuấn Nguyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
624	Lê Đình Thiện Nhân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
625	Phạm Thị Yến Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
626	Nguyễn Mai Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
627	Vũ Thị Thanh Thu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
628	Nguyễn Trọng Tiến	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
629	Đặng Thanh Trúc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
630	Nguyễn Bùi Minh Tùng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
631	Bùi Thanh Vân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
632	Nguyễn Ngọc Vinh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
633	Lương Thị Hà Vy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
634	Lý Ngọc An	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
635	Nguyễn Công Tuấn Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
636	Nguyễn Đức Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
637	Nguyễn Quang Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
638	Nguyễn Gia Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
639	Trần Phạm Gia Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000

H. A. P.
TRUNG
LƯƠNG
31

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2023 - 2024 (từ tháng 1 đến T5/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ II năm 2023 - 2024
640	Phạm Ngọc Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
641	Đoàn Đăng Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
642	Lương Nguyễn Ánh Dương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
643	Nguyễn Tiến Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
644	Trần Tiến Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
645	Đỗ Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
646	Phạm Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
647	Đào Minh Đức	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
648	Nguyễn Hương Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
649	Phạm Hương Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
650	Hoàng Thu Hà	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
651	Nguyễn Trung Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
652	Phạm Quang Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
653	Nguyễn Thành Hưng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
654	Nguyễn Thế Khải	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
655	Bùi Long Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
656	Nguyễn Nam Khánh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
657	Mạc Dương Kinh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
658	Nguyễn Ngọc Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
659	Nguyễn Phương Bảo Linh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
660	Vũ Xuân Lược	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
661	Nguyễn Đào Xuân Mai	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
662	Phạm Đình Mạnh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
663	Vũ Trần Tiến Nam	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
664	Nguyễn Đồng Thu Ngân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
665	Nguyễn Thị Kim Ngân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
666	Tạ Ngọc Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
667	Mai Huyền Nhung	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
668	Nguyễn Mai Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
669	Nguyễn Nhật Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
670	Phạm Xuân Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
671	Đồng Phương Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
672	Lê Thị Thanh Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000	155,000	155,000
673	Nguyễn Thị Phương Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
674	Bùi Minh Thư	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
675	Trịnh Linh Cẩm Tú	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
676	Bùi Anh Tuấn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
677	Đỗ Anh Tuấn	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000

1. L
 2. NG
 HỌC C
 KHÁNH T

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2023 - 2024 (từ tháng 1 đến TS/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ II năm 2023 - 2024
678	Nguyễn Thị Phương Uyên	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
679	Đông Tiến Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
680	Lương Tùng Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
681	Lương Việt Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
682	Nguyễn Hữu Hải Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
683	Phạm Văn Tuấn Anh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
684	Nguyễn Công Bách	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
685	Bùi Gia Bảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
686	Trịnh Thị Minh Châu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
687	Bùi Ngọc Diệp Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
688	Đông Thị Linh Chi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
689	Phạm Thị Bích Diệp	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
690	Lê Đức Dũng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
691	Phú Thành Đạt	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
692	Nguyễn Hải Đăng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
693	Nguyễn Mạnh Đức	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
694	Hoàng Thị Minh Giang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
695	Phạm Minh Thái Hà	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
696	Giang Minh Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
697	Ngô Trung Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
698	Nguyễn Trung Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
699	Phạm Minh Hiếu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
700	Trần Việt Hoàng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
701	Đặng Quốc Hùng	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
702	Vũ Quốc Huy	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
703	Phan Bình Minh	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
704	Vũ Thảo My	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
705	Bùi Thị Bảo Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
706	Trần Hoàng Khánh Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
707	Vũ Phạm Yến Ngọc	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
708	Bùi Tuyết Nhi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
709	Vũ Văn Phú	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
710	Đoàn Nguyễn Mai Phương	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
711	Nguyễn Nhật Quang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
712	Nguyễn Mạnh Quyền	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
713	Đỗ Xuân Sang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
714	Lương Thu Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
715	Nguyễn Thị Phương Thảo	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000

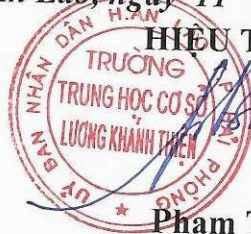
TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ II năm học 2023 - 2024 (từ tháng 1 đến T5/2024)	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ kỳ II năm 2023 - 2024
716	Nguyễn Minh Thu	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
717	Phạm Huyền Trang	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
718	Nguyễn Thành Trung	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
719	Nguyễn Thị Hà Vi	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
720	Ngô Hoàng Yến	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
721	Phạm Bùi Hải Yến	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
722	Nguyễn Ngọc Hân	THCS Lương Khánh Thiện	62,000	5	310,000		310,000
Tổng					223,200,000	2,635,000	220,565,000

Người lập biểu



Nguyễn Thị Trang

An Lão, ngày 11 tháng 4 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Bình

P. HẢI PH. N.